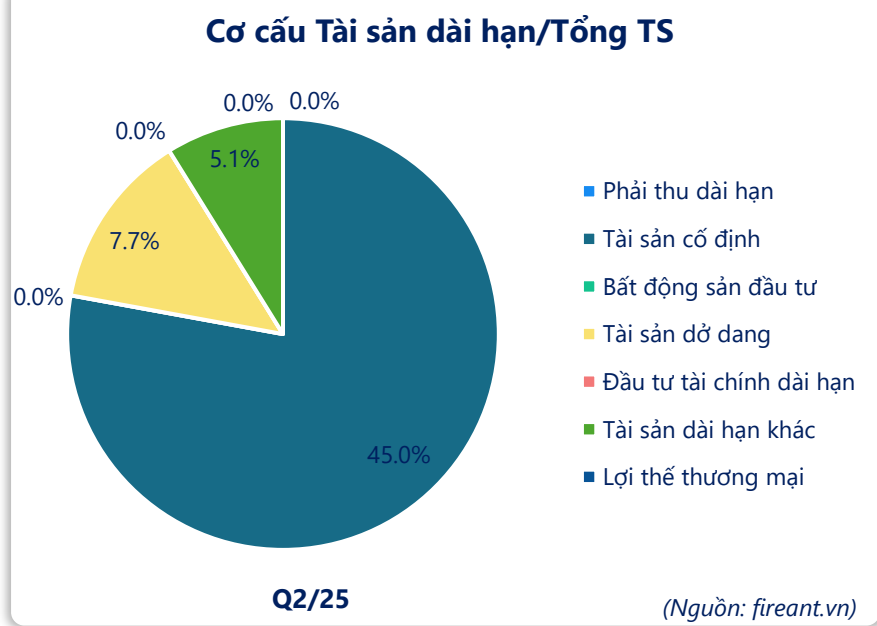
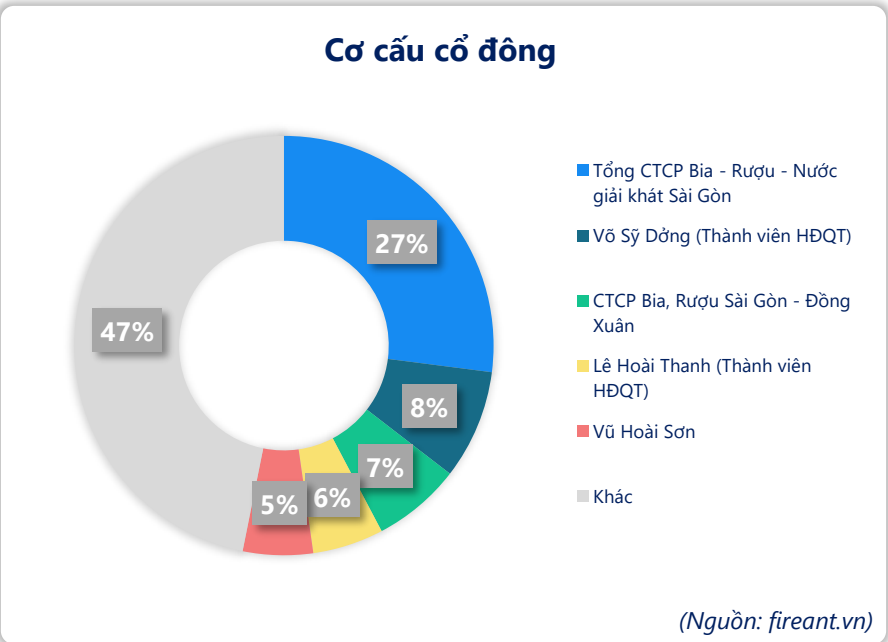
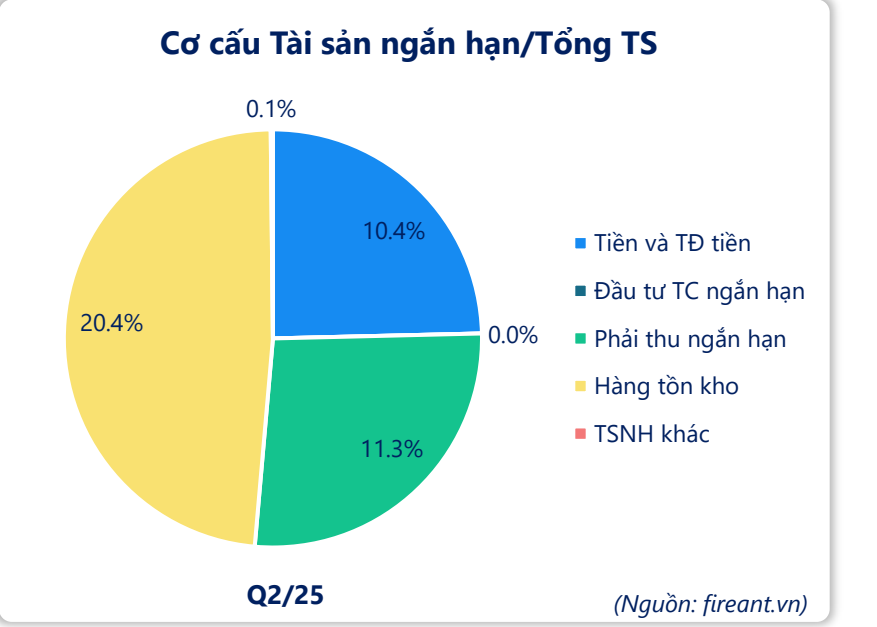
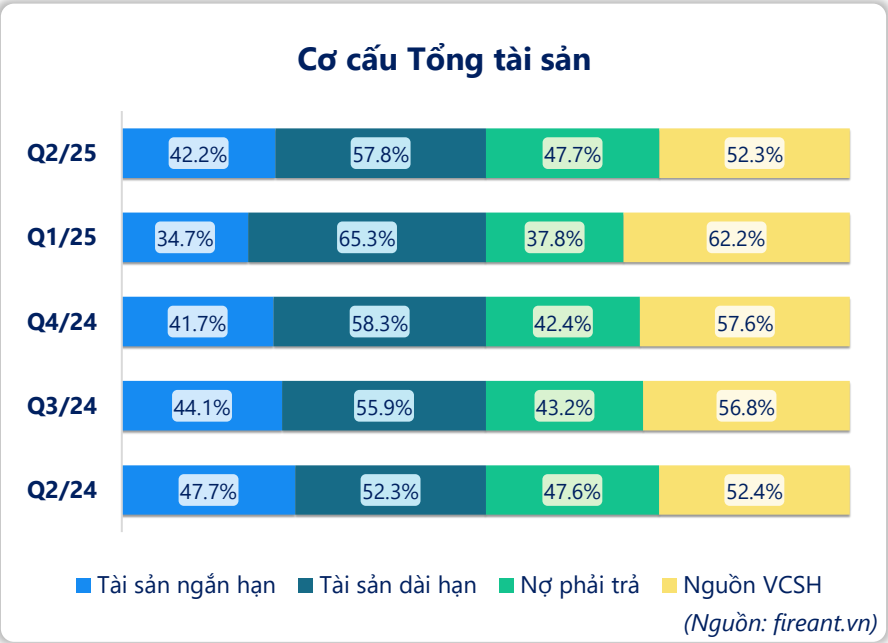
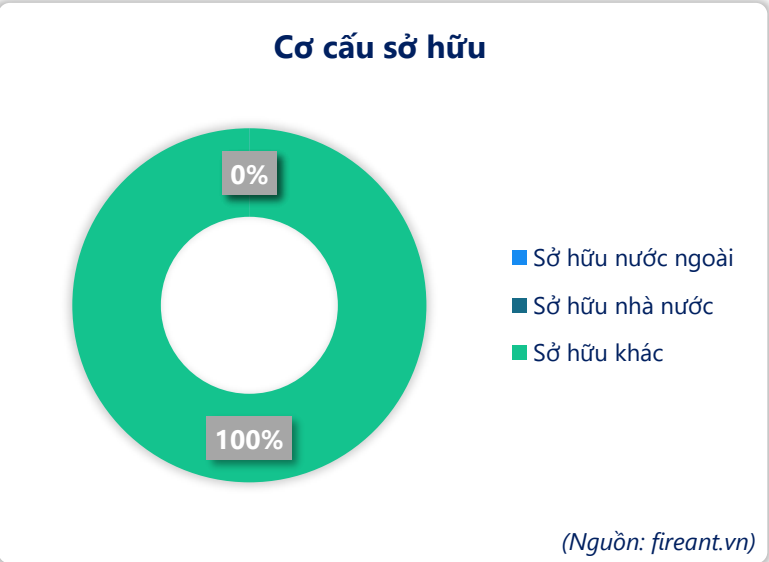
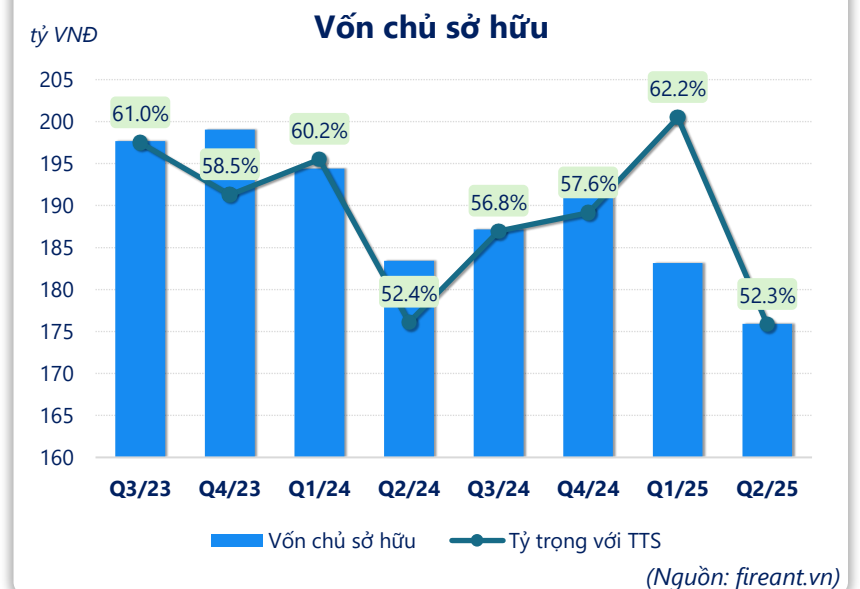
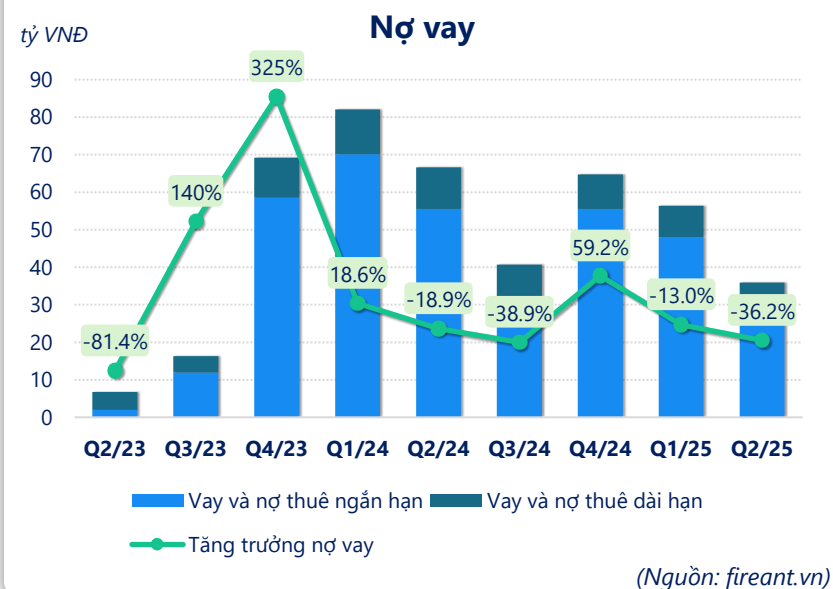
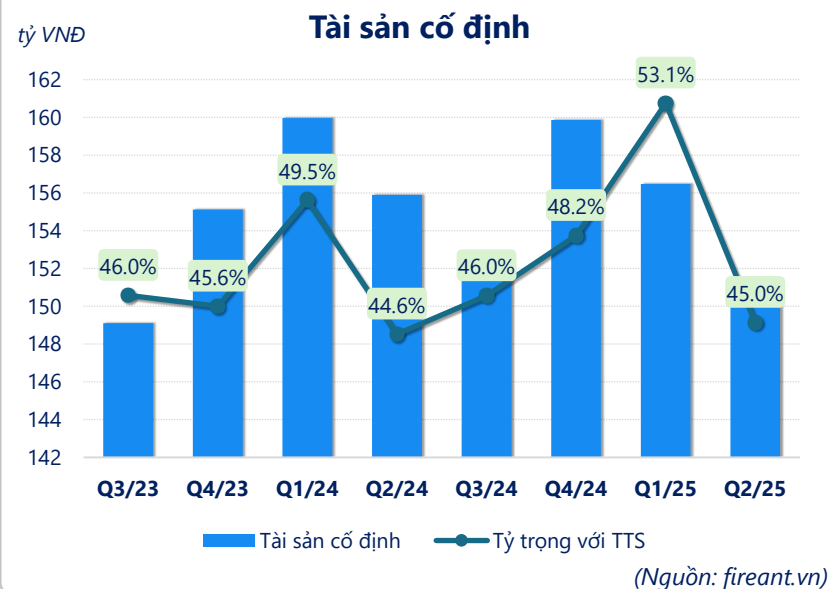
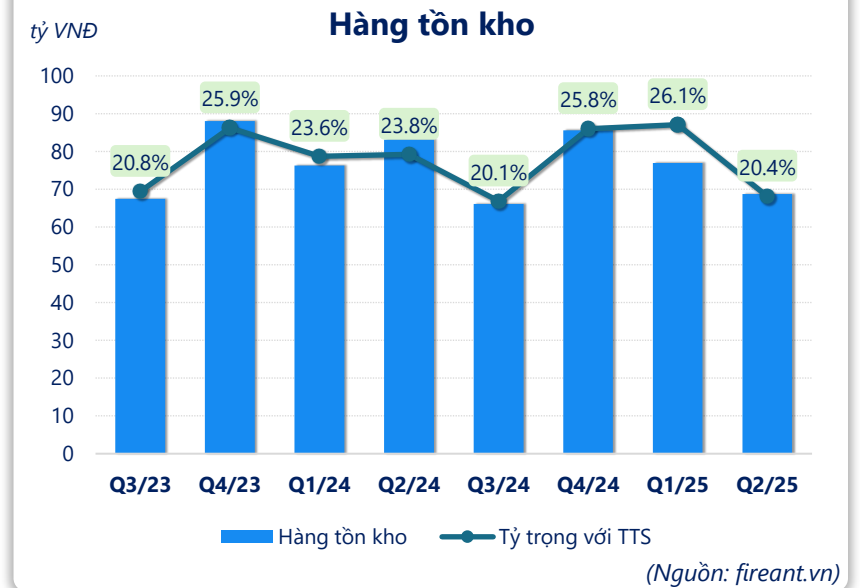
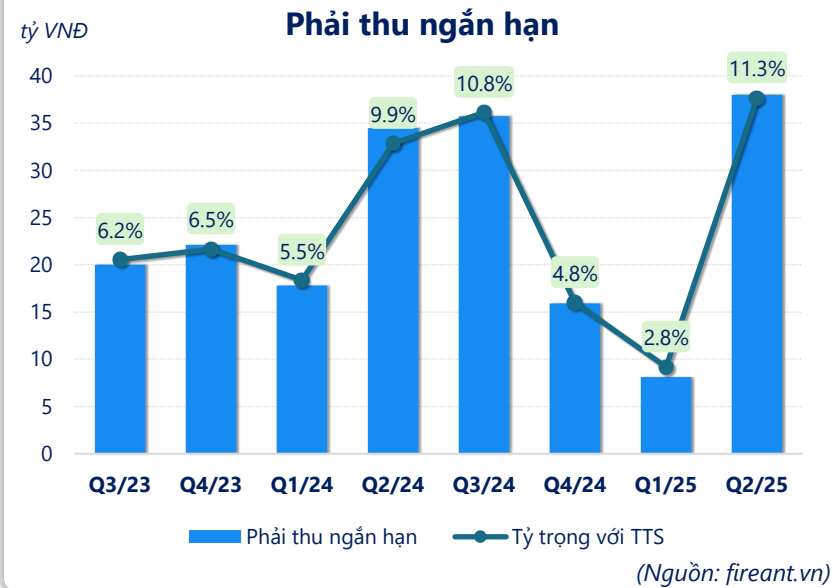
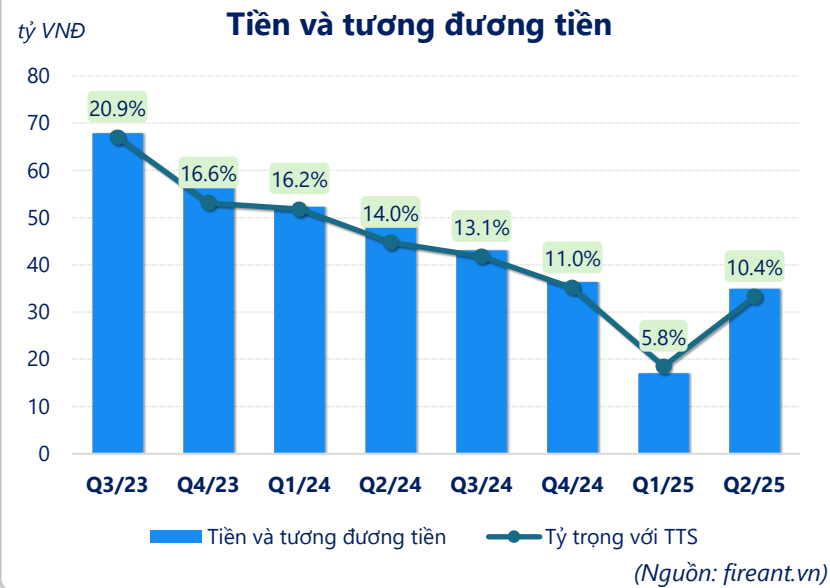
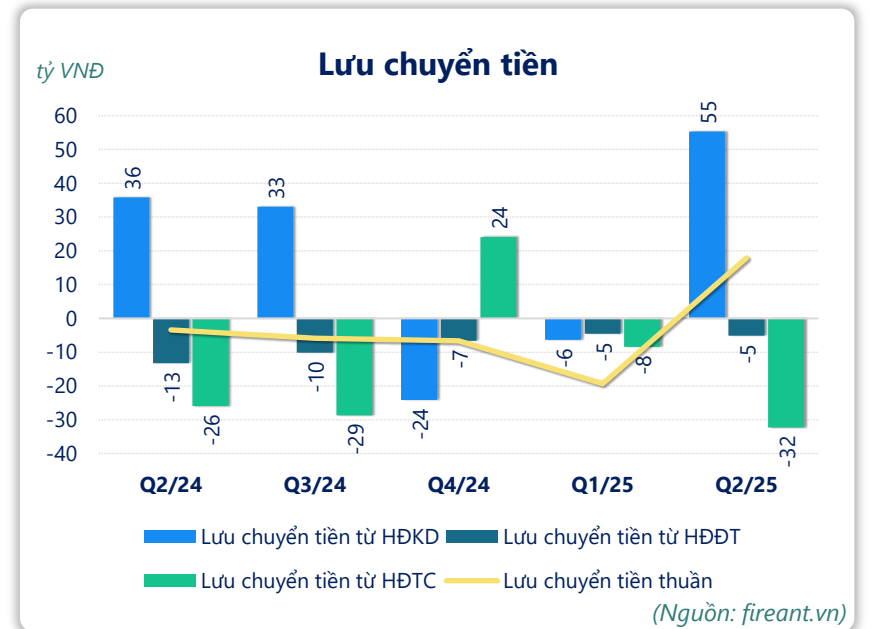
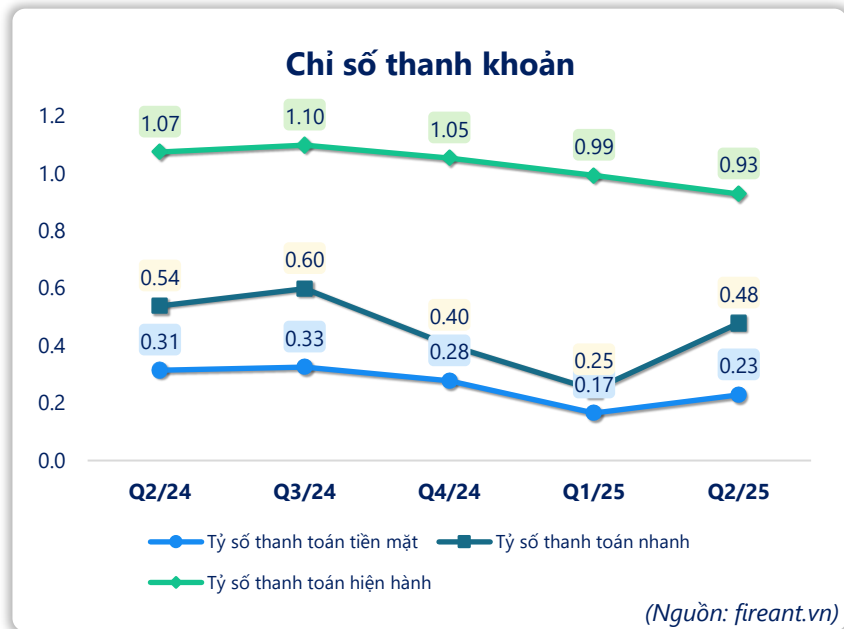
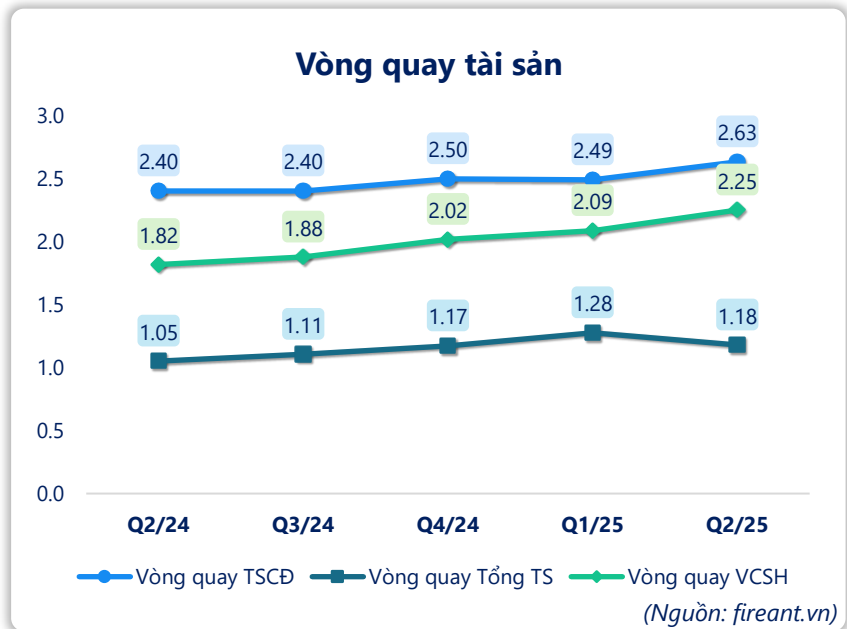
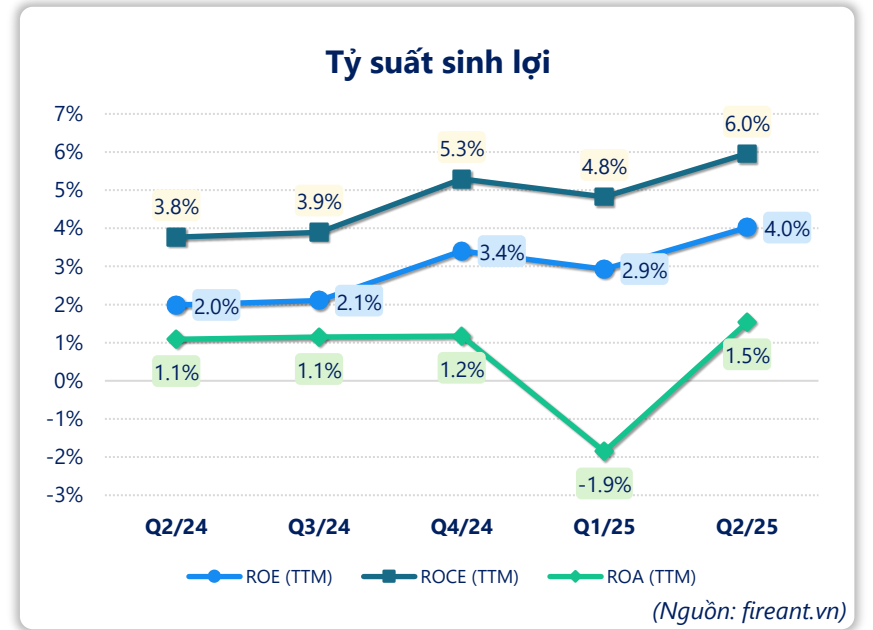
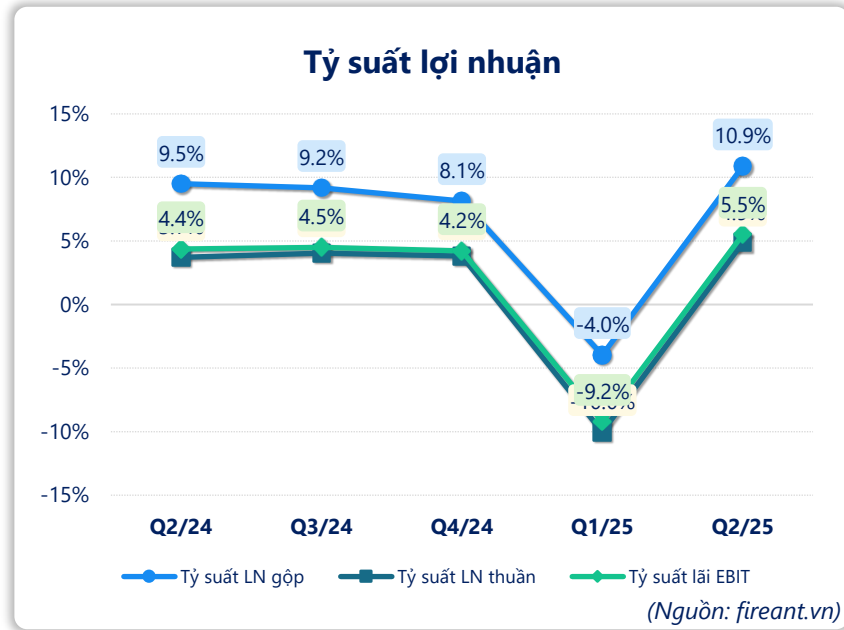
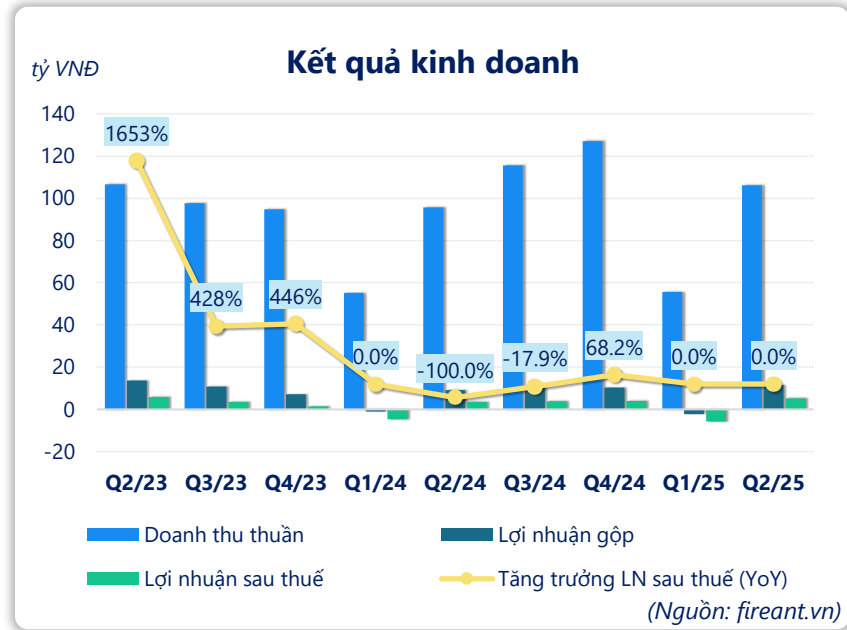


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,386
SL cổ phiếu LH		12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,375
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		123
P/E		17.0
EPS		578

	YTD	1T	3T	6T
BSP	6.5%	6.5%	3.4%	5.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	336	332	1.4%
Tài sản ngắn hạn	142	138	2.7%
Tiền và tương đương tiền	34.9	36.4	-3.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.0	15.9	139%
Hàng tồn kho	68.7	85.6	-19.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	0.32	-25.1%
Tài sản dài hạn	194	193	0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	151	160	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.8	15.4	67.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	17.2	18.1	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	160	140	14.1%
Nợ ngắn hạn	153	131	16.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	28.6	55.6	-48.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.6	8.03	194%
Nợ dài hạn	7.30	9.21	-20.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.30	9.21	-20.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	176	191	-7.9%
Vốn chủ sở hữu	176	191	-7.9%
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	95.7	116	127	55.7	106
Giá vốn hàng bán	86.6	105	117	57.9	94.6
Lợi nhuận gộp	9.10	10.6	10.4	-2.21	11.5
Doanh thu HĐTC	0.24	0.22	0.27	0.01	0.17
Chi phí TC	0.61	0.52	0.51	0.60	0.59
Chi phí lãi vay	0.61	0.52	0.51	0.60	0.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.59	0.60	0.73	0.12	0.73
Chi phí QLDN	4.57	5.04	4.54	2.67	5.22
LN thuần từ HĐKD	3.57	4.68	4.84	-5.58	5.18
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	0.00	-0.15	0.07
LN trước thuế	3.56	4.68	4.84	-5.73	5.25
Lợi nhuận sau thuế	3.56	3.74	3.95	-5.73	5.25
LNST của CĐ cty mẹ	3.56	3.74	3.95	-5.73	5.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	35.8	33.0	-24.1	-6.39	55.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.2	-10.2	-6.64	-4.54	-5.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.0	-28.7	24.1	-8.41	-32.3
Tiền đầu kỳ	52.3	48.9	43.0	36.4	17.0
Lưu chuyển tiền thuần	-3.41	-5.83	-6.68	-19.3	17.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	48.9	43.0	36.4	17.0	34.9

(Nguồn: fireant.vn)